TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2017
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Ven.

2. Bà Nguyễn Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T - Sinh năm 1990 - Địa chỉ: Ấp 6, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ri O - Sinh năm 1986 - Địa chỉ: Ấp 6, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2017, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyễn Ri O cưới nhau năm 2013, đăng ký kết hôn ngày 20-3-2013, tại Ủy ban nhân dân xã MQT. Chung sống đến tháng 02 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cải vã dẫn đến mất hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2017.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ri O.

Về nuôi con chung: Bà và ông O có một con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 09-10-2013, hiện con chung đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông O cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Tại Bản tự khai ngày 01 tháng 6 năm 2017, bị đơn là ông Nguyễn Ri O trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thu T về ngày tháng năm, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung, việc tự thỏa thuận về chia tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Ông chỉ đồng ý ly hôn khi được trực tiếp nuôi con chung.

Về nuôi con chung: Nếu phải ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngày 01 tháng 6 năm 2017, bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Ri O cùng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện "Tranh chấp ly hôn" đối với ông Nguyễn Ri O, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Các đương sự cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T và trình bày của ông Nguyễn Ri O theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

[3] Bà T và ông O chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân MQT, huyện H, tỉnh Long An ngày 20-3-2013. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông O là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Xét về hôn nhân: Bà T yêu cầu ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cải vã dẫn đến mất hạnh phúc. Tuy bà T không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh về mâu thuẫn vợ chồng, nhưng được ông O thừa nhận, ông bà đã ly thân từ tháng 4 năm 2017, hiện vẫn sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà T và ông O đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu ly hôn là phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Ngược lại, ông O lấy việc trực tiếp nuôi con chung làm điều kiện để ly hôn là không phù hợp.

[6] Xét về nuôi con chung:

Bà T và ông O cùng yêu cầu trực tiếp nuôi con chung nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu là có căn cứ. Xét con chung Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 09-10-2013, thuộc phái nữ, sống chung bà T từ trước đến nay, việc thay đổi môi trường sống, học tập sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của con chung, chấp nhận yêu cầu của bà T là phù hợp theo quy định tại các Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà T không yêu cầu ông O cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện phù hợp quy định tại các Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[7] Xét về chia tài sản chung: Bà T và ông O trình bày để tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết, nếu sau này xảy ra tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[8] Xét về nợ chung: Bà T và ông O rình bày không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa Án, xét thấy: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa Án.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Ri O.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Bà Nguyễn Thị Thu T được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 09-10-2013, đang sống chung bà T. Ông Nguyễn Ri O không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Ông O được quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà T và ông O được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5 Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Biên lai thu số 0007882 ngày 16-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Đương sự vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MQT (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương